

**CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ, THƯƠNG TỔNG HỢP ĐẠT THÀNH**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ, THƯƠNG TỔNG HỢP ĐẠT THÀNH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108540120

**3. Ngày thành lập:** 07/12/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 22 Ngõ 43, phố Kim Đồng, Phường Giáp Bát, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Mã ngành    |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Sản xuất thảm, chần, đệm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 1393        |
| 2.  | Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp<br>Chi tiết: - Sản xuất máy móc nâng, bốc dỡ, vận chuyển hoạt động bằng tay hoặc bằng năng lượng như:<br>+ Puli ròng rọc, cần trục, tời,<br>+ Cần trục, cần trục to, khung nâng di động...<br>+ Xe đẩy, có hoặc không có máy nâng hoặc thiết bị cầm tay, có hoặc không có bộ phận tự hành, loại được sử dụng trong các nhà máy,<br>+ Tay máy và người máy công nghiệp được thiết kế đặc biệt cho việc nâng, bốc dỡ.<br>- Sản xuất băng tải...<br>- Sản xuất máy nâng, cầu thang tự động và chuyển bằng cầu thang bộ;<br>- Sản xuất các bộ phận đặc biệt cho các thiết bị nâng và vận chuyển. | 2816        |
| 3.  | Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng<br>Chi tiết: - Sản xuất thang máy và băng tải sử dụng dưới đất;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 2824(Chính) |
| 4.  | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô<br>Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4933        |
| 5.  | Sao chép bản ghi các loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 1820        |
| 6.  | Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 1391        |
| 7.  | Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 1392        |
| 8.  | Sản xuất các loại dây bện và lưới                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 1394        |
| 9.  | Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 1399        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 10. | Sản xuất sắt, thép, gang                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 2410 |
| 11. | Đúc sắt, thép                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 2431 |
| 12. | Đúc kim loại màu<br>(không bao gồm sản xuất vàng miếng)                                                                                                                                                                                                                                                     | 2432 |
| 13. | Sản xuất các cấu kiện kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                              | 2511 |
| 14. | Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại                                                                                                                                                                                                                                                  | 2512 |
| 15. | Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)                                                                                                                                                                                                                                                                    | 2513 |
| 16. | Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại                                                                                                                                                                                                                                                            | 2591 |
| 17. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                | 2592 |
| 18. | Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng                                                                                                                                                                                                                                                 | 2593 |
| 19. | Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu<br>(trừ Sản xuất huy hiệu và huân chương quân đội bằng kim loại)                                                                                                                                                                                | 2599 |
| 20. | Sản xuất linh kiện điện tử                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 2610 |
| 21. | Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                   | 2620 |
| 22. | Sản xuất thiết bị truyền thông                                                                                                                                                                                                                                                                              | 2630 |
| 23. | Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng                                                                                                                                                                                                                                                                          | 2640 |
| 24. | Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học                                                                                                                                                                                                                                                                         | 2731 |
| 25. | Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác                                                                                                                                                                                                                                                                      | 2732 |
| 26. | Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại                                                                                                                                                                                                                                                                     | 2733 |
| 27. | Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng                                                                                                                                                                                                                                                                           | 2740 |
| 28. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                     | 4759 |
| 29. | Sản xuất đồ điện dân dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 2750 |
| 30. | Sản xuất thiết bị điện khác                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 2790 |
| 31. | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế                                                                                                                                                                                                                                                                               | 3100 |
| 32. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị trong công trình nhà và công trình xây dựng khác như:<br>+ Thang máy, thang cuốn,<br>+ Cửa cuốn, cửa tự động,<br>+ Dây dẫn chống sét,<br>+ Hệ thống hút bụi,<br>+ Hệ thống âm thanh,<br>+ Hệ thống cách âm, cách nhiệt, chống rung. | 4329 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 33. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác<br>Bán buôn dụng cụ y tế<br>Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh<br>Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh<br>Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện<br>Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự<br>Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm<br>Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao<br>Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu | 4649 |
| 34. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: đại lý bán hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4610 |
| 35. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4651 |
| 36. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4652 |
| 37. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4653 |
| 38. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:<br>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng<br>Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)<br>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày<br>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi)<br>Bán buôn máy móc, thiết bị y tế                      | 4659 |
| 39. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>(trừ vàng nguyên liệu và vàng miếng)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4662 |
| 40. | Bán buôn tổng hợp<br>(trừ loại nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4690 |
| 41. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết: kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô theo hợp đồng<br>Kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô theo tuyến cố định<br>Kinh doanh vận tải hành khách du lịch bằng xe ô tô<br>Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt                                                                                                                                                                                                                   | 4932 |
| 42. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 5210 |
| 43. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 8299 |

**6. Vốn điều lệ:** 3.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông   | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                       | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|---------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | BÙI THU HÀ    | Số 8 Ngách 20 Ngõ Góc Đề, Phường Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                  | Cổ phần phổ thông | 30.000     | 300.000.000           | 10,000    | 013689048                                                                                   |         |
|     |               |                                                                                                            | Tổng số           | 30.000     | 300.000.000           | 10,000    |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                                            |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | BÙI ĐỨC TRUNG | Số 8 Ngách 20 Ngõ Góc Đề, Phường Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                  | Cổ phần phổ thông | 240.000    | 2.400.000.000         | 80,000    | 012526502                                                                                   |         |
|     |               |                                                                                                            | Tổng số           | 240.000    | 2.400.000.000         | 80,000    |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                                            |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | BÙI TIẾN DŨNG | Số 77 ngách 70 Ngõ 249, Minh Khai, Tổ 50 A, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 30.000     | 300.000.000           | 10,000    | 013488575                                                                                   |         |
|     |               |                                                                                                            | Tổng số           | 30.000     | 300.000.000           | 10,000    |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                                            |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

#### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                         |           |                                                                                                               |         |

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: BÙI THU HÀ

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 01/09/2000

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 013689048

Ngày cấp: 12/03/2014 Nơi cấp: Công an Thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 8 Ngách 20 Ngõ Góc Đề, Phường Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Phòng 1601, nhà A3, chung cư Thăng Long garden, 250 Minh Khai, Phường Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội